

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2020/HS-ST

Ngày: 25.6.2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Viết Đức

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nội Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. **Trương Đức H**, sinh năm 1985 tại Bình Định; Giới tính: nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 53, KV10, phường H, thành phố Q, tỉnh B; Nơi cư trú: B69/14 Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa 2, xã X, huyện Y, Thành phố Z; Nghề nghiệp: kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T và bà Lê Thị Tố N; bị cáo chưa có vợ con, tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt từ ngày 26.10.2019 đến ngày 04.11.2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Xuân H**, sinh năm 2001 tại Hà Nam; Giới tính: nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đồng Sơn, xã L, huyện K, tỉnh H; Nơi cư trú: B69/14 Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa 2, xã X, huyện Y, Thành phố Z; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị T; bị cáo chưa có vợ con, tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt từ ngày 26.10.2019 đến ngày 04.11.2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. **Trần Anh N**, sinh năm 1998 tại Phú Yên; Giới tính: nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 52/21 Trần Hưng Đạo, phường 6, thành phố T, tỉnh P; Nơi cư trú: B69/14 Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa 2, xã X, huyện Y, Thành phố Z; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 2/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần T và bà Hồ Thị O; bị cáo chưa có vợ

con, tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt từ ngày 26.10.2019 đến ngày 04.11.2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cầm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1985 tại Bình Định; Giới tính: nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 12B/7 Trần Phú, tổ 50, KV7, phường T, thành phố Q, tỉnh B; Nơi cư trú: B69/14 Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa 2, xã X, huyện Y, Thành phố Z; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị L; bị cáo chưa có vợ con, tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt từ ngày 26.10.2019 đến ngày 04.11.2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cầm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm: 1988 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 60/5 khu phố 3, phường T, Quận C, Tp. Z.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cửa hàng B69 tại địa chỉ B69/14 ấp Mỹ Hòa 2, xã X, huyện Y, Tp. Hồ Chí Minh do Phạm Minh S đứng tên trên giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh mua bán và cho thuê xe máy, ô tô. Đến ngày 04/12/2018 S làm giấy ủy quyền cho Trương Đức H làm chủ cửa hàng.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 26/10/2019, H nhận được điện thoại của nhân viên Đinh Thành T (không rõ lai lịch) báo chị Nguyễn Thị Tuyết N (là khách nợ cũ của cửa hàng) đang đi trên đường Song Hành Quốc Lộ 22, phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Tp. HCM. H nói với T “Đề anh kêu T chạy ra”, rồi H gọi điện thoại cho Nguyễn Quốc T và T (không rõ lai lịch) đến hỗ trợ. Lúc này chị N cùng em gái Nguyễn Thị Kim H và 02 cháu nhỏ đi cùng nhau thì bị T và T đưa về cửa hàng B69. Tại đây có H, Nguyễn Xuân H và Trần Anh N. H cho chị H và 02 cháu nhỏ về, còn giữ chị N lại để đòi nợ. Sau đó T đi về quê, còn H, H, T và N giữ chị N, cho chị N ngồi trong góc tường, buộc chị N gọi điện thoại liên lạc người nhà mang số tiền 6.400.000 đồng còn thiếu lên trả nợ thì chị N được về. Đến 21 giờ 00 cùng ngày, không thấy ai đem tiền đến trả nợ nên H có dùng tay đánh 03 cái trúng tay chị N. Sau khi nhận được tin nhắn của chị N, gia đình báo Công an xã Xuân Thới Đông đến bắt quả tang H cùng đồng bọn.

Tại cơ quan điều tra, H, N, H, T khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Về vật chứng:

- 05 xe máy gồm xe mang các biển số 66V1-347.54, 78N1-9936, 77F1-5129, 66P1-687.23, 50Y1-045.31; đây là xe H dùng để cho khách thuê xe, 01 USB màu xanh 32G, 02 bộ máy tính để bàn đã qua sử dụng và 67 Hợp đồng cho thuê xe gắn máy tự lái, hợp đồng mua bán xe và hợp đồng hủy bỏ hợp đồng mua bán xe, không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho H.

Tại Bản cáo trạng số 67/CT-VKS-HS ngày 30 tháng 3 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn để xét xử các bị cáo Trương Đức H, Nguyễn Quốc T, Nguyễn Xuân H, Trần Anh N về tội “Giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị tuyên các bị cáo Trương Đức H, Nguyễn Quốc T, Nguyễn Xuân H, Trần Anh N phạm tội “Giữ người trái pháp luật”; Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Đức H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm; bị cáo Nguyễn Xuân H từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm; bị cáo Trần Anh Ng từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm. Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm;

Các bị cáo Trương Đức H, Nguyễn Quốc T, Nguyễn Xuân H, Trần Anh N khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu và xin được hưởng mức án nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Trương Đức H, Nguyễn Quốc T, Nguyễn Xuân H, Trần Anh N khai nhận: Các bị cáo có hành vi giữ chị Nguyễn Thị Tuyết N trái pháp luật từ 17 giờ 30 phút đến 22 giờ 00 ngày 26/10/2019 tại địa chỉ B69/14 ấp Mỹ Hòa 2, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các vật chứng cùng các tài liệu thể hiện tại hồ sơ vụ án, phù hợp với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đã truy tố. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở pháp lý để kết luận các bị cáo Trương Đức H, Nguyễn Quốc T, Nguyễn Xuân H, Trần Anh N phạm tội “Giữ người trái pháp luật”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

[3] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tự do cá nhân của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây ra dư luận xấu trong nhân dân. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xem xét về nhân thân, tính chất mức độ và hậu quả của hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[4] Về nhân thân:

Các bị cáo Trương Đức H, Nguyễn Xuân H, Trần Anh N, Nguyễn Quốc T chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo Nguyễn Quốc T: Năm 2005 bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

[5] Tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (trừ bị cáo T), các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại và bị hại đã làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[6] Tình tiết tăng nặng: Không có.

Do đó, không cần thiết cách ly các bị cáo mà giao về chính quyền địa phương nơi cư trú giáo dục cũng có tác dụng đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Vật chứng vụ án đã được trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Trương Đức H phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

Xử phạt bị cáo Trương Đức H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 25.6.2020.

Giao bị cáo về nơi cư trú là Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Tp. HCM giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân H phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 25.6.2020.

Giao bị cáo về nơi cư trú là Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Tp. HCM giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Trần Anh N phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

Xử phạt bị cáo Trần Anh N 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 25.6.2020.

Giao bị cáo về nơi cư trú là Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Tp. HCM giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 25.6.2020.

Giao bị cáo về nơi cư trú là Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Tp. HCM giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

(Các bị cáo đã được giải thích chế định án treo)

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Mỗi bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Hóc Môn;
- Cơ quan điều tra công an H. HM;
- Chi cục THADS H.HM;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Nguyễn Thị Hồng Hoa